

**TÒA ÁN N DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2021/HC-ST

Ngày: 03/3/2021

V/v :”*Khiếu kiện QĐHC,HVHC*

Trong quản lý đất đai”

**N DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ L**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Liễu

Các Hội Thẩm N Dân: Ông Võ Đức Hơn và ông Võ Mừng

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát N dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/3 /2021, tại trụ sở TAD thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính đã thụ lý số 05/2020/HCST ngày 08/10/2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HC ngày 08/01/2021 và quyết định hoãn phiên Tòa số 01/2021/QĐHPT ngày 22/01/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HC ngày 01/02/2021 giữa các đương sự.

1. Người khởi kiện : Bà Lê Thị N, sinh năm 1936,
Địa chỉ: Thôn P Tiến, xã Tân P, thị xã L, tỉnh BT.
Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông PhA ThAh H, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28 /07/ 2020)
Địa chỉ: Thôn P Thọ, xã Tân P, thị xã L, tỉnh BT.
2. Người bị kiện: Ủy bA N dân xã Tân P
Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông: Dương Thế A-Chủ tịch Ủy bA N dân xã Tân P. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Mũi Đá, xã Tân P, thị xã L
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA:
3.1- Ủy bA N dân thị xã L, tỉnh BT
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trọng N, Chủ tịch UBND thị xã L (Có đơn xin vắng mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã L ông Nguyễn Mậu S – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L. (Có đơn xin vắng mặt)

3.2- Công Ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp BT,
Người đại diện theo pháp luật ông: Lê Ngọc C, Chủ tịch công ty,
Địa chỉ: 30 đường Yersin, phường Phú Trinh, t/p Pha Thiết.

Người đại diện theo ủy quyền của Công Ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp BT
ông: Trịnh Ngọc G , Gm đốc Xí nghiệp Lâm Nghiệp Hàm Tân, theo văn bản ủy quyền
ngày 05/01/2021. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân A, thị xã L, BT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện hành chính của bà Lê Thị N ngày 27/7/2020 và tại phiên tòa,
người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện ông Pha ThAh H trình bày:

Năm 1987 bà Lê Thị N là người khai hoAg và sử dụng thửa đất số 408, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại thôn P Tiến, xã Tân P thị xã L tỉnh BT. Từ khi khai hoAg cho đến nay bà N đã sử dụng ổn định không xảy ra trAh chấp với ai và không bị các cơ quA nhà nước có thẩm quyền xử lý. Quá trình sử dụng đất bà N đã đóng thuế đầy đủ hàng năm theo quy định. Trên đất bà đã xây dựng căn cấp 4 diện tích 60 m² vào năm 1990, trồng cây điều và 01 giếng nước phục vụ sinh hoạt gia đình. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, ngày 22 tháng 6 năm 2020 bà làm đơn đăng ký cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai gửi đến Ủy bA N dân (UBND) xã Tân P, thị xã L. Sau khi nhận hồ sơ 27/7/2020 Ủy bA N dân xã Tân P bA hành văn bản số 355/UBND trả lại hồ sơ cho bà Lê Thị N. Qua kiểm tra hồ sơ thì bà N phát hiện trong phần xác nhận nguồn gốc đất của Ủy bA N dân xã Tân P đã xác nhận nguồn gốc đất của bà Lê Thị N có số thửa, 408, tờ bản đồ số 07, diện tích 4161,5m² đất do nhà nước quản lý, quy hoạch vườn ươm. Việc xác nhận của Ủy bA N dân xã Tân P như đã nêu trên là không đúng với thực tế về nguồn gốc đất của bà Lê Thị N dẫn đến cơ quA có thẩm quyền trong việc cấp đất từ chối tiếp nhận hồ sơ. Ủy bA N dân xã Tân P bA hành công văn 355/UBND làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị N vì vậy nay bà khiếu kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

1- Hủy bỏ văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy bA N dân xã Tân P về việc trả lời đơn cấp giấy CNQSD đất của bà Lê Thị N.

2- Buộc Ủy bA N dân xã Tân P tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất và xác nhận diện tích đất bà Lê Thị N đăng ký cấp quyền sử dụng đất có nguồn gốc do khai hoAg năm 1987.

Người bị kiện : Ủy bA N dân xã Tân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH không đến phiên Tòa và cũng không có văn bản nêu ý kiến nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA: Ủy bA N dân thị xã L có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời không có văn bản nêu ý kiến nộp cho Tòa án. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho UBND thị xã L ông Nguyễn Mậu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH không đến phiên Tòa và có văn bản nêu ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa.

Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp BT có ý kiến như sau: Thửa đất bà Lê Thị N hiện đAg khiếu kiện là có nguồn gốc từ đất của Lâm trường Hàm Tân đã bàn giao cho Ủy bA N dân phường Tân A, sau khi chia tách thì Ủy bA N dân phường Tân A tiếp tục bàn giao cho Ủy bA N dân xã Tân P quản lý. Sau khi lâm trường Hàm Tân giải thể, Công ty Lâm nghiệp BT hiện không còn tài liệu hồ sơ lưu giữ về nguồn gốc thửa đất hiện

nay bà N đã Ag khiếu kiện. Công ty Lâm nghiệp BT đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, Công ty không có ý kiến và đề nghị Tòa án cho công ty Lâm nghiệp BT vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn QuAg H là người làm chứng xác nhận: Năm 1989 ông có khai hoAg 01 thửa đất diện tích khoảng 1500m² tại thôn 1 xã Tân A, huyện Hàm Tân (Nay là thôn P Tiến, xã Tân P, thị xã L), tỉnh BT. Sau khi khai hoAg ông trồng điều trên toàn bộ lô đất và đến nay vẫn thu hoạch. Thửa đất của ông chưa được cấp chủ quyền và nằm gần với thửa đất bà Lê Thị N. Khi ông đến khai phá thì đã thấy nhà, đất bà N ở đây. Gia đình bà N trực tiếp cAh tác, sử dụng diện tích này.

Bà Nguyễn Thị Vinh là người làm chứng xác nhận: Năm 1984 vợ chồng bà được cha, mẹ chồng cho một thửa đất khoảng 01 mẫu tại thôn 1 xã Tân A, huyện Hàm Tân (Nay là thôn P Tiến, xã Tân P, thị xã L), tỉnh BT. Sau khoảng 3,4 năm sau bà thấy bà N đến khai phá thửa đất Gp rAh về phía bắc thửa của bà. Gia đình bà N đã làm nhà ở và trồng cây điều, keo, bà N sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 2008 vợ chồng bà đã được UBND thị xã L cấp GCNQSD đất, bà N là người ký Gp rAh.

Ông Cao Văn Tân xác nhận, ông nguyên là thôn trưởng thôn 1, xã Tân A (Nay là thôn P Tiến, xã Tân P) Ông làm trưởng thôn từ năm 1990, trước đó ông đã thấy gia đình bà N sinh sống trên thửa đất, quá trình sử dụng cho đến nay bà N sử dụng ổn định, liên tục không có ai trAh chấp.

Ông Nguyễn QuAg Tuấn xác nhận, năm 1992 ông có khai phá 01 thửa đất 5500m² tại thôn 1, xã Tân A (Nay là thôn P Tiến, xã Tân P). Tại thời điểm ông khai phá đã thấy bà N sinh sống trên thửa đất. Bà N sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, ông xác định bà N đã khai phá thửa đất trên trước năm 1991.

Đại diện VKSND thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án và HĐXX, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Tuy nhiên tại phiên tòa do người bị kiện vắng mặt nên đề nghị ngừng phiên tòa để yêu cầu người bị kiện cung cấp tài liệu chứng cứ.

Về nội dung: Do quA điểm của Viện kiểm sát tạm ngừng phiên tòa nên không có ý kiến về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã L tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị N khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy bA N dân xã Tân P, Ủy bA N dân xã Tân P cùng địa giới hành chính thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAD thị xã L theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính. Người bị kiện Ủy bA N dân xã Tân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH không đến phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA: Ủy bA N dân thị xã L, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy bA N dân thị xã L, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp BT

đã đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 157, 158 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, do người bị kiện vắng mặt nên đại diện kiểm sát đề nghị HĐXX ngừng phiên Tòa để yêu cầu UBND xã Tân P cung cấp chứng cứ. Xét đề nghị ngừng phiên Tòa của đại diện viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy. Trong quá trình xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 05 ngày 08/10/2020, công văn yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 05 ngày 09/10/2020, công văn số 06 ngày 17/11/2020 cho người bị kiện UBND xã Tân P (UBND xã Tân P đã cung cấp tài liệu từ trAg 48 đến trAg 59). Viện kiểm sát thị xã L có công văn số 49/YC-VKS-HC ngày 24/02/2021 gửi Ủy bA N dân xã Tân P yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ. Căn cứ khoản 5 Điều 55 Luật tố tụng hành chính thì đây là nghĩa vụ của người bị kiện. Tòa án đã yêu cầu người bị kiện cung cấp tài liệu và bị kiện đã cung cấp, viện kiểm sát tiếp tục đề nghị tạm ngừng phiên tòa để UBND xã Tân P cung cấp tài liệu là không cần thiết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Lê Thị N yêu cầu Hủy bỏ văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy bA N dân xã Tân P về việc trả lời đơn cấp giấy CNQSD đất của bà Lê Thị N. Đây là văn bản của Ủy bA N dân xã Tân P bA hành làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị N nên là đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Riêng yêu cầu Buộc Ủy bA N dân xã Tân P tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất và xác nhận diện tích đất bà Lê Thị N đăng ký cấp quyền sử dụng đất có nguồn gốc do khai hoAg năm 1987. Đây là trách nhiệm thực thi nhiệm vụ, công vụ theo pháp luật của Ủy bA N dân xã Tân P do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Xét thẩm quyền bA hành văn bản 355/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy bA N dân xã Tân P, chủ tịch UBND xã Tân P ký bA hành văn bản trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương. Ủy bA N dân cấp xã xác nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá N là đúng theo quy định tại Điều 60 và điểm a, khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/CP ngày 15/5/2014 của chính phủ.

[5] Về nội dung: Qua lời trình bày của người khởi kiện bà Lê Thị N cùng với xác nhận của ông Nguyễn QuAg H, bà Nguyễn Thị Vinh, Cao Văn Tân và ông Nguyễn QuAg Tuấn và các tài liệu có tại hồ sơ cho thấy. Thửa đất số 408, tờ bản đồ số 07, diện tích 4161,5m², tọa lạc tại thôn P Tiến xã Tân P, thị xã L do bà N khai phá sử dụng hiện nay có nguồn gốc là đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng có diện tích 21,62ha thuộc Lâm trường Hàm Tân quản lý từ năm 1983. Ngày 26/9/2002, Lâm trường Hàm Tân đã bàn giao cho UBND xã Tân A (nay là phường Tân A) quản lý. Trong biên bản bàn giao đã thể hiện có 0,78ha đất đã bị dân lấn chiếm và trồng keo. Quá trình quản lý ngày 28/7/2003 UBND xã Tân A đã có báo cáo về 30 trường hợp các hộ dân lấn chiếm và sAg nhượng đất cùng với 09 hộ dân khác lấn chiếm trước khi nhận bàn giao. Sau đó năm 2006 UBND phường Tân A bàn giao lại cho UBND xã Tân P quản lý. Ngày 30/5/2012

UBND thị xã L bA hành thông báo số 80/TB-UBND V/v Thu hồi đất để xây dựng công trình vườn ươm cây trồng, thị xã L; hạng mục: Cổng tường rào, nhà bảo vệ, diện tích thu hồi 64.281m² . Vị trí đất thu hồi, thôn P Tiến, xã Tân P, thị xã L, tuy nhiên sau khi bA hành thông báo số 80, UBND thị xã L cũng không triển khai thực hiện và người dân, trong đó có bà N tiếp tục sử dụng mà không bị cơ quA nào xử lý.

Với Lâm trường Hàm Tân, nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp BT thừa nhận, đất có nguồn gốc từ Lâm trường Hàm Tân, năm 2002 Lâm trường đã bàn giao cho UBND xã Tân A (cũ), hiện nay Công ty không còn lưu giữ bất cứ một tài liệu nào về thửa đất nêu trên.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy, Lâm trường Hàm Tân, UBND xã Tân A (cũ) và UBND xã Tân P là những chủ thể được nhà nước giao đất để trồng rừng nH không quản lý, sử dụng đúng mục đích. Ủy bA N dân thị xã L bA hành thông báo số 80 ngày 30/5/2012, cũng không triển khai thực hiện để người dân lấn chiếm sử dụng là trách nhiệm của chính quyền địa phương và cơ quA quản lý đất đai.

Đối với bà Lê Thị N, khi có đơn yêu cầu đăng ký cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trường hợp của bà Lê Thị N đăng ký cấp QSD đất nH không có các tài liệu theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 21 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trường hợp này, Ủy bA N dân xã Tân P phải thu thập ý kiến của những người từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của bà Lê Thị N, như ông H, bà Vinh, ông Tân và ông Tuấn nH Ủy bA N dân xã Tân P không thực hiện hành vi này mà trả hồ sơ đăng ký cấp QSD đất tại văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 là trái với điều này.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2020 của TAD thị xã L có sự tham gia của Ủy bA N dân xã Tân P thể hiện. Tại thực địa trên đất bà Lê Thị N có 01 căn nhà cấp 4, diện tích (6x10)m bà N xây dựng năm 1991, 01 giếng nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày bà N đào năm 1991, 01 cây đào lộn hột chu vi gốc 1,2m bà N trồng năm 1987 và có 2.000m² đất bà N đAg trồng keo mà không ai trAh chấp. Việc bà N cung cấp các thời điểm làm nhà và tạo lập các loại tài sản trên đất và Ủy bA N dân xã Tân P đã thống nhất xác nhận, như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật tổ tụng hành chính thì được xem là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ, bà N đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không có ai trAh chấp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định. *Hộ gia đình, cá N đAg sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nH đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy bA N dân cấp xã xác nhận là đất không có trAh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quA nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy*

hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ hướng dẫn:

5. Hộ gia đình, cá nhân đã sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đã sử dụng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

Tại điểm c khoản 2 Điều 22 nghị định 43 quy định "Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đã sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đã sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất."

Từ những căn cứ trên cho thấy, bà Lê Thị N là người đã sử dụng ổn định thửa đất số 408, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thôn P Tiến xã Tân P, thị xã L từ năm 1987 cho đến nay. (Trước ngày 01/7/2004), không có ai tranh chấp, sử dụng đúng mục đích, không vi phạm pháp luật về đất đai do đó bà Lê Thị N đã đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Lẽ ra với các điều kiện nêu trên, Ủy ban Nhân dân xã Tân P phải xác nhận nguồn gốc đất của bà N là đất khai hoang trước ngày 01/7/2004 và phù hợp với quy hoạch để đảm bảo quyền lợi cho bà N. NH xuất phát từ xác nhận không đúng của Ủy ban Nhân dân xã Tân P tại đơn đăng ký cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Lê Thị N dẫn đến Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L kết luận hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Từ xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L, Ủy ban Nhân dân xã Tân P ban hành văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 giao trả lại hồ sơ đơn đăng ký cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Lê Thị N là trái với quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, khoản 2 Điều 79, 157, 158, 348, 193 Luật tổ tụng hành chính, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20, 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016.

***Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N

Tuyên: Hủy bỏ văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy bA N dân xã Tân P thị xã L, tỉnh BT về việc trả lời đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị N.

- Buộc Ủy bA N dân xã Tân P, thị xã L, tỉnh BT thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho bà Lê Thị N.

Về án phí: Ủy bA N dân xã Tân P thị xã L, tỉnh BT phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện KSND thị xã L
- Chi CTHADS thị xã L
- UBND thị xã L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ LIỄU